ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50 /2002/QĐ-UB	*Cần Thơ, ngày 19 tháng 4 năm 2002*

quyết định của ubnd tỉnh cần thơ
V/v phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
đến năm 2010 của thị xã Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ

ủy ban nhân dân tỉnh cần thơ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 21/6/1994;

Căn cứ Quyết định 62/2000/QĐ-TTg ngày 06/6/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội tỉnh Cần Thơ từ nay đến năm 2010 (điều chỉnh);

Xét Tờ trình số 30/TTr.UB ngày 25 tháng 02 năm 2002 của UBND thị xã Vị Thanh và Công văn số 123/KHĐT ngày 06/03/2002 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư V/v đề nghị phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Vị Thanh thời kỳ đến năm 2010,

quyết định:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 của thị xã Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ với những nội dung chủ yếu sau:

I- Phương hướng phát triển, nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu chủ yếu:

1- Phương hướng phát triển:

Phát triển kinh tế toàn diện và bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Tăng cường phát huy nội lực, kết hợp với các yếu tố bên ngoài nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ- công nghiệp- nông nghiệp một cách vững chắc. Tranh thủ vốn đầu tư bên ngoài, nhanh chóng tạo ra các yếu tố bên trong vững mạnh, tiếp thu công nghệ mới, nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, giữa công nghiệp với phát triển đô thị, giữa nông nghiệp với phát triển nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng. Giải quyết việc làm, nâng cao mức sống và dân trí, phát triển văn hóa, chăm sóc sức khoẻ, tăng cường phúc lợi xã hội, xóa dần đi đến loại trừ tệ nạn xã hội nghiêm trọng. Tăng cường bảo vệ, cải tạo môi trường. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội. Thực hiện cải cách hành chính, nâng cao năng lực chỉ đạo của các cấp chính quyền; phát động toàn dân sống văn minh, hòa hợp, giữ gìn kỹ cương luật pháp, truyền thống văn hóa dân tộc.

2- Nhiệm vụ trọng tâm:

- Triển khai thực hiện có kết quả 9 chương trình và 7 đề án của tỉnh nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là nhiệm vụ hàng đầu, đặc biệt trong thời kỳ 2001-2005.

- Quan tâm đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tốt các thành tựu khoa học công nghệ, đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp; nâng cấp, đầu tư mới cơ sở chế biến và bảo quản nông sản sau thu hoạch; tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, cơ sở thương mại, dịch vụ, du lịch tạo sự chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là phát triển đô thị, giao thông, thủy lợi, điện khí hóa, các cụm, tuyến dân cư vùng nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống nhân dân về

các mặt y tế, giáo dục- đào tạo nghề, văn hóa, thể dục thể thao, tiến tới loại trừ các tệ nạn xã hội nghiêm trọng.

- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả điều hành, quản lý kinh tế, xã hội của các cấp chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện tốt cho phát triển kinh tế- xã hội.

3- Chỉ tiêu chủ yếu và các mũi đột phá:

a) Chỉ tiêu chủ yếu:

**Chỉ tiêu kinh tế*:

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân 13,2%/năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 12,30%/ năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 14,2%/năm.

- Nhịp độ tăng trưởng các khu vực kinh tế:

+ Khu vực I tăng bình quân 2,5%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng bình quân 3%/năm, thời kỳ 2006-2010 tăng bình quân 2%/ năm.

+ Khu vực II tăng bình quân 18,5%/ năm, trong đó thời kỳ 2001-2005 tăng 18%/năm, thời kỳ 2006-2010 tăng 19%/ năm.

+ Khu vực III tăng bình quân 14,5%/năm, cho cả 2 thời kỳ 2001-2005 và 2006-2010.

- Thu nhập bình quân đầu người 8,4 triệu đồng/người (năm 2005)và 13,6 triệu đồng/người (năm 2010). Quy USD (theo tỷ giá Ngân hàng Ngoại thương thời điểm năm 2000) đạt 600 USD (năm 2005) và 960 USD (năm 2010).

- Cơ cấu kinh tế: Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, từ ***nông nghiệp-dịch vụ-công nghiệp*** sang ***dịch vụ-công nghiệp- nông nghiệp***. Trong đó:

+ Năm 2005: Khu vực I chiếm 22,25%; khu vực II chiếm 37,75%; khu vực III chiếm 40%.

+ Năm 2010: Khu vực I chiếm 12,32%; khu vực II chiếm 46,63%; khu vực III chiếm 41,05%.

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trực tiếp 20 - 25 triệu USD năm 2005 và 50 - 60 triệu USD năm 2010.

- Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân trên địa bàn 12,8%/năm.

- Nâng tỷ lệ huy động vốn đầu tư/VA lên khoảng 26,80% năm 2005 và 28,5% năm 2010. Tổng vốn đầu tư 10 năm 2.100 tỷ đồng.

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 59,25% năm 2005 và 71,42% năm 2010. Nâng cấp đô thị thị xã từ loại IV lên đô thị loại III.

** Các chỉ tiêu xã hội*:

- Giữ ổn định mức giảm sinh thay thế từ nay đến năm 2015. Mức giảm sinh bình quân 0,5 - 0,6%/năm. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1%/năm; tỷ lệ tăng dân số cơ học bình quân 2,5 - 2,8%/năm.

- Trong 10 năm, tạo thêm 25.000- 30.000 việc làm (bình quân 2.500 -3.000 việc làm/ năm). Giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp xuống dưới 4% năm 2005 và dưới 3% năm 2010.

- Tạo chuyển biến rõ về cơ cấu lao động, đến năm 2010, tỷ trọng lao động khu vực I chiếm 35%, khu vực II chiếm 25% và khu vực III chiếm 40%.

- Không để tình trạng hộ đói và tái đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5% năm 2005 và dưới 3% vào năm 2010. Hạ tỷ lệ nhà cây lá tạm bợ khu vực nội ô còn dưới 10%, nông thôn còn dưới 30% vào năm 2005 và đến năm 2010 cơ bản không còn nhà ở cây lá tạm bợ khu vực nội ô và ở nông thôn còn dưới 10%.

- Nâng cao chất lượng dân số về trí lực và thể chất, tạo chuyển biến rõ về giáo dục- đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục- thể thao và các vấn đề xã hội khác.

**Quốc phòng-an ninh*:

Tiếp tục giữ vững ổn định an ninh chính trị. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang, phong trào quần chúng, tổ tự quản, lực lượng dân quân tự vệ, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, giảm đến mức thấp nhất các vụ án, nhất là án hình sự, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ; không để xảy ra trọng án có vũ trang. Đảm bảo đưa quân hàng năm đạt chỉ tiêu số lượng, bảo đảm chất lượng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 2% dân số.

b/ Các mũi đột phá:

- Đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng đô thị, tập trung cho giao thông thủy - bộ, điện khí hóa, cung cấp nước sạch và cơ sở hạ tầng khu- tuyến dân cư, khu- trung tâm công nghiệp-TTCN. Tạo chuyển biến về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hoá.

- Phát triển công nghiệp- TTCN, trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản và bảo quản sau thu hoạch với trình độ công nghệ cao; công nghiệp cơ khí sữa chữa máy động lực; công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng cho vùng nông thôn; khôi phục một số ngành nghề truyền thống.

- Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất tại chỗ, dịch vụ phục vụ cho khu công nghiệp, trung tâm công nghiệp -TTCN. Tăng cường liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trong nước và xuất khẩu hàng hóa.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thuỷ lợi hóa trong nông nghiệp, từng bước chuyển lao động nông nghiệp sang làm công nghiệp và dịch vụ tại chỗ.

- Củng cố, phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác và hợp tác xã một cách vững chắc, xây dựng mối liên kết đa thành phần trong tổ chức sản xuất- chế biến và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- Phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nghề tại chỗ. Cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, hình thành nếp sống văn minh đô thị, trước mắt tập trung vào việc xóa đói, giảm nghèo.

II- Định hướng phát triển các ngành kinh tế - xã hội:

1. Bố trí và sử dụng đất:

Do nhu cầu phát triển đô thị, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy thế mạnh kinh tế của thị xã, quỹ đất sử dụng trong nông nghiệp sẽ giảm mạnh để chuyển sang đất chuyên dùng và đất ở. Quy hoạch và kế hoạch sử dụng quỹ đất thị xã Vị Thanh đến năm 2010 như sau: Đất nông nghiệp còn 7.018,97 ha, chiếm 59,15%; đất lâm nghiệp 520,39 ha chiếm 4,39%; đất chuyên dùng 3.234,11 ha,chiếm 27,26%; đất ở đô thị 537,18 ha,chiếm 4,53%; đất ở nông thôn 228 ha, chiếm 1,92%; diện tích sông rạch tự nhiên 326,74 ha, chiếm 2,75% diện tích tự nhiên.

2- Định hướng phát triển công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp - TTCN trước tiên nhằm vào mục tiêu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Gắn phát triển công nghiệp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và phát triển đô thị. Phấn đấu trong 10 năm, tập trung đầu tư để công nghiệp Vị Thanh vươn lên thành 1 trong 3 khu công nghiệp có qui mô lớn của tỉnh.

- Phát triển công nghiệp- TTCN với qui mô vừa và nhỏ, sử dụng công nghệ tiên tiến đối với một số lĩnh vực có thị trường ổn định và lợi thế so sánh. Trọng tâm là công nghiệp chế biến nông sản chất lượng cao, cơ khí sửa chữa, bảo trì máy động lực, máy nông nghiệp, may mặc, sản xuất cấu kiện khung nhà, cầu nông thôn, sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu, khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống. Sau năm 2005, xây dựng trung tâm dịch vụ công nghệ thông tin tại thị xã.

- Xúc tiến đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tập trung Vị Thanh tại xã Hỏa Tiến và Trung tâm công nghiệp- TTCN tại xã Hỏa Lựu, một số cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp qui mô 5-10 ha tại số nơi có điều kiện.

- Chỉ tiêu và quy mô phát triển:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng bình quân 18%/năm.

+ Nhịp độ tăng trưởng công nghiệp trên địa bàn bình quân 18,30%/năm.

+ Từng bước chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn theo hướng duy trì, ổn định tốc độ tăng trưởng công nghiệp chế biến lương thực- thực phẩm, nâng dần tỷ trọng các lĩnh vực sản xuất quan trọng như cơ khí sửa chữa- bảo trì, sản xuất vật liệu xây dựng, may mặc, hàng tiêu dùng.

3- Các ngành dịch vụ:

a) Thương mại:

- Đẩy mạnh các hình thức bán buôn, bán lẽ, mở rộng qui mô và phạm vi hoạt động thương mại trong và ngoài thị xã, đưa Vị Thanh sớm khẳng định vai trò trung tâm thương mại, đầu mối trung chuyển hàng hóa của tiểu vùng.

- Củng cố, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thương nghiệp, làm tốt vai trò cầu nối sản xuất và tiêu dùng, điều tiết lưu thông hàng hóa chủ yếu, vươn lên xuất nhập khẩu hàng hóa trực tiếp.

- Phát triển hình thức hợp tác xã sản xuất và dịch vụ thành phổ biến. Khuyến khích các thành phần kinh tế có điều kiện thành lập doanh nghiệp, công ty kinh doanh thương mại, dịch vụ, xúc tiến hợp tác, liên doanh, mời gọi các công ty xuất khẩu nông sản, sản xuất và xuất khẩu hàng tiêu dùng đến đặt văn phòng đại diện hoặc mở chi nhánh tại địa bàn thị xã.

- Nâng cấp và xây dựng mới cơ sở kinh doanh thương mại: mở rộng khu thương mại- dịch vụ tại trung tâm thị xã kéo dài đến đường Nguyễn Thái Học, nâng cấp sửa chữa khu nhà lồng bách hóa tổng hợp đường Lê Lai - Lê Lợi, mở rộng chợ Hai Bà Trưng, chợ xã Hoả Lựu, xây dựng khu dân cư và thương mại Cái Nhúc, xây dựng mới chợ Vị Tân, chợ Hỏa Tiến và các chợ phường 3, 4, 5. Tiếp tục quy hoạch và xây dựng các chợ nông thôn và tại các tụ điểm dân cư.

b) Giao thông vận tải:

- Phát triển nhanh hệ thống giao thông thủy- bộ; tổ chức bến xe, bến tàu liên tỉnh, liên huyện theo quy hoạch, phát triển thêm các tuyến vận tải. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo các tuyến đường hiện có, đầu tư mới một số tuyến đường giao thông thủy- bộ quan trọng theo hướng phục vụ vận chuyển hàng hóa; mua sắm mới hoặc nâng cấp phương tiện giao thông, đầu tư một số phương tiện giao thông công cộng đáp ứng nhu cầu giao thông đô thị.

c) Du lịch:

- Triển khai Chương trình phát triển du lịch theo hướng du lịch xanh, sinh thái, hình thành tuyến kết nối các điểm du lịch, kết hợp giữa du lịch sinh thái sông nước miệt vườn với tham quan các di tích lịch sử- văn hóa, tìm hiểu nền văn minh và nếp sinh hoạt của người dân ĐBSCL. Xây dựng khu

văn hóa Vị Thanh-Hỏa Lựu, khu căn cứ Tỉnh ủy, Thị ủy, tôn tạo lại Bia chiến thắng Cái Sình, nâng cấp và mở rộng công viên Hòa Bình, công viên tại đường Trần Hưng Đạo, Nhà văn hóa thanh - thiếu niên, kết hợp xây dựng một số điểm du lịch vườn, điểm bảo tồn, nuôi tự nhiên động vật hoang dã dọc theo tuyến Xà No.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống nhà nghĩ, nhà hàng cùng các dịch vụ, phương tiện đưa đón, thể hiện được nếp sinh hoạt đặc trưng vùng nông thôn ĐBSCL; lực lượng hướng dẫn viên nhiệt tình, am hiểu văn hóa lịch sử vùng ĐBSCL nói chung và tỉnh Cần Thơ, thị xã Vị Thanh nói riêng.

d) Bưu chính - viễn thông:

- Tiếp tục phát triển mạng lưới, khai thác tốt các thiết bị sẵn có, đầu tư nâng cấp một số thiết bị hiện đại ở một số khâu quan trọng đối với hoạt động viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2005 đạt bình quân 5,5 máy/ 100 dân; đến năm 2010 đạt bình quân 10,4 máy/100 dân.

- Tạo điều kiện phát triển các lĩnh vực dịch vụ khác như tư vấn, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng ngay trên địa bàn thị xã.

4- Nông nghiệp - nông thôn:

- Định hướng phát triển và chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với thị trường, trước mặt triển khai các chương trình, đề án hình thành vùng nông sản hàng hóa có qui mô lớn, chất lượng cao.

- Tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển chiều sâu, đa dạng hoá sản phẩm. ứng dụng tốt các kỹ thuật canh tác, công nghệ mới trong sản xuất giống và nâng cao chất lượng nông sản; đẩy mạnh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp.

- Tiếp tục phát huy vai trò kinh tế hộ, đẩy mạnh phong trào sản xuất giỏi. Củng cố và phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã một cách vững chắc và có hiệu quả, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, chú trọng trang trại kinh doanh tổng hợp.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo 10 tiêu chí của tỉnh, đẩy mạnh đầu tư nâng chất và xây dựng mới cơ sở hạ tầng nông thôn tập trung vào hệ thống thủy lợi, giao thông nông thôn, điện khí hoá, chợ, trường, trạm, nhà ở, nước sạch; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

- Phát triển nông nghiệp trên cơ sở môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện, kết hợp hài hòa giữa phát triển nông nghiệp với phát triển đô thị sinh thái.

- Các chỉ tiêu phát triển:

+ Giá trị sản xuất tăng bình quân 2,8 - 3%/ năm.

+ Nhịp độ tăng trưởng bình quân 2,5%/ năm.

+ Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển đổi theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp.

5- Xây dựng cơ sở hạ tầng:

Triển khai chương trình phát triển giao thông, thủy lợi, nhà ở, khu tuyến dân cư nông thôn thời kỳ 5 năm 2001-2005 và định hướng đến năm 2010.

a) Hệ thống giao thông:

Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông toàn thị xã, phục vụ cho nhu cầu đi lại, sản xuất ngang tầm với tính chất của đô thị mới.

- Nâng cấp quốc lộ 61 đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng cầu Cái Tư bắt đầu từ năm 2002, nâng cấp Đường tỉnh 932, 933 đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, nâng cấp, láng nhựa đạt tiêu chuẩn cấp V đồng bằng các tuyến do thị xã quản lý, đồng thời với hoàn chỉnh các cầu trên tuyến. Các tuyến đường xã tập trung nâng cấp và mở mới các tuyến ngoại vi nối tiếp các tuyến nội ô nối dài cho xe 2 bánh lưu thông trong cả 2 mùa mưa nắng.

- Hệ thống đường nội ô: thực hiện theo phương án quy hoạch phát triển đô thị Vị Thanh tương xứng với quy mô đô thị, đạt các tiêu chuẩn mật độ đường chính 3,85 Km/Km^2, bình quân mét dài 0,43m/ người, bình quân mét vuông 13,2 m^2/người.

- Nạo vét, mở rộng các tuyến đường thủy kết hợp với các tuyến giao thông bộ, phát huy ưu thế vận tải thủy, nạo vét tuyến đường thủy Xà No- Cái Nhứt- Cái Tư để phương tiện 500 tấn đi lại bình thường, tuyến sông Cái Lớn nối tiếp với kinh Nàng Mau phương tiện 300 tấn đi lại, nạo vét các kênh trục ngang để nối kết các trục dọc gồm các tuyến: kênh Mương Lộ, kênh KH 9, kênh Mười Thước, kênh Mới, Rạch Hốc Hỏa- út Lờ.

b) Thủy lợi:

Tiếp tục củng cố hệ thống kênh dẫn tạo nguồn, cống đập, đê bao chống lũ và xâm nhập mặn; xây dựng hệ thống kênh cấp II kết hợp với hệ thống kênh trục, đê bao khép kín. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng chủ động tưới tiêu nước; phát triển hệ thống trạm bơm điện.

c) Hệ thống điện*:*

- Nguồn điện cung cấp từ trạm Vị Thủy 110/22/15 KV-25MVA, các tuyến điện trung thế 15KV hiện có được giữ lại và cải tạo lên cấp 22KV. Kéo 4 phát tuyến 22KV từ trạm biến điện Vị Thủy dẫn vào thị xã, mỗi phát tuyến chuyển tải một lượng công suất là 8MW. Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt trên 90% vào năm 2005 và hoàn thành cơ bản mục tiêu các hộ vùng nông thôn đều được cung cấp điện sinh hoạt vào năm 2010.

d) Hệ thống công trình cung cấp nước sạch:

- Nâng công suất nhà máy nước Vị Thanh lên 5.000 m^3/ngày (2002-2005) và nâng lên 10.000 m^3/ ngày (2006-2010).

- Nâng cấp trạm cấp nước Hỏa Lựu công suất lên 20 m^3/giờ.

- Xây dựng mới trạm Hỏa Tiến và Vị Tân công suất 10 m^3/ giờ/ trạm.

- Xây dựng 5 trạm cấp nước công suất 4 m^3/ giờ/ trạm ở các điểm dân cư.

- Khu vực nội thị: cung cấp theo tiêu chuẩn 100 lít/ngày/người cho khoảng 80% dân số (năm 2005); nâng lên 120 lít/ngày/người cho khoảng 90% dân số (năm 2010).

- Khu vực ngoại thị:

+ Cung cấp theo tiêu chuẩn 100 lít/ ngày/ người (năm 2005); nâng lên 120 lít/ ngày/ người (năm 2010) tại các trung tâm xã, cụm dân cư.

+ Định mức 80 lít/ngày/người (năm 2005) và 100 lít/ngày/người (năm 2010) cho các khu vực khác với khoảng 90% dân số được cấp nước.

đ) Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thông qua mạng lưới đường ống thoát nước bẩn sau khi được xử lý qua hệ thống tự hoại của từng gia đình sẽ thoát ra các kênh rạch. Cống thoát nước bẩn ∅ 200 - ∅ 400 được lắp đặt ở độ sâu 0,8m, tại các khu vực dân cư theo quy hoạch và được bố trí ở phần vỉa hè đi bộ.

- Nước thải công nghiệp, sau khi được xử lý sơ bộ ở nhà máy, xí nghiệp sẽ theo đường ống thoát nước thải ∅ 300 - ∅ 400 về trạm xử lý tập trung của khu công nghiệp để làm sạch trước khi thoát ra kênh rạch.

- Vệ sinh môi trường: rác thải sẽ được thu gom và vận chuyển đến bãi đổ rác có diện tích 2 ha, nằm về hướng đi xã Hỏa Lựu, cách trung tâm thị xã khoảng 4- 5Km. Trước mắt, chôn lấp để xử lý rác, tiến tới xây dựng nhà máy xử lý rác thải vào những năm 2006-2010.

6- Giáo dục - Đào tạo và Khoa học - Công nghệ - Môi trường:

a) Giáo dục - Đào tạo:

- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục- đào tạo theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa loại hình trường lớp, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Quan tâm giáo dục mầm non tạo thuận lợi cho giáo dục phổ thông. Tiếp tục nâng cao hơn nữa tỷ lệ huy động học sinh đến trường, nhất là bậc tiểu học và trung học cơ sở đúng độ tuổi. Tăng hiệu quả đào tạo ở các cấp học, khắc phục tình trạng lưu ban, bỏ học của học sinh không quá 2% thời kỳ 2001-2005 và không quá 1% thời kỳ 2006-2010. Phấn đấu đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2005. Thực hiện tốt việc phân luồng sau trung học cơ sở.

- Tranh thủ từ nhiều nguồn vốn hoàn thiện dần cơ sở vật chất, không còn tình trạng lớp học ca 3, tre lá tạm bợ, thiếu bàn ghế trước năm 2002. Phấn đấu đến năm 2005 có khoảng 30% điểm trường xây dựng cao tầng, có cảnh quan sư phạm khang trang; đến năm 2010 có khoảng 50-60% số điểm trường đạt tiêu chuẩn quốc gia. Xây dựng trường Trung học phổ thông Vị Thanh thành trường đào tạo chất lượng cao có khu nội trú và cơ sở luyện tập thể dục thể thao.

- Phát triển phương thức giáo dục không chính quy, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng yêu cầu giáo dục cho mọi người. Củng cố, mở rộng và tăng cường cơ sở vật chất cho Trung tâm kỹ thuật tổng hợp- hướng nghiệp và Trung tâm giáo dục thường xuyên để phát huy hiệu quả sử dụng và đào tạo.

- Tiến hành kiểm tra, đánh giá, phân loại, sắp xếp chức danh theo tiêu chuẩn của bộ ban hành; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên phấn đấu đến năm 2005 cơ bản đạt được tỷ lệ trình độ tối thiểu theo quy định.

b) Khoa học, Công nghệ và Môi trường:

- Phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tiến hành điều tra cơ bản: trình độ công nghệ, lực lượng khoa học kỹ thuật, số lượng và trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật, tình trạng thất nghiệp đô thị, thiếu việc làm, thời gian làm việc của lao động nông thôn, tài nguyên thủy sản, nước ngầm, môi trường để có giải pháp quản lý và sử dụng thích hợp.

- Nghiên cứu, ứng dụng triển khai dây chuyền công nghệ phù hợp thay thế dần lao động thủ công, sản xuất sản phẩm mới có chất lượng cao từ các nguồn nguyên liệu tại địa phương, áp dụng công nghệ vi sinh, hóa sinh trong chế biến và bảo quản nông sản, phát triển lĩnh vực sửa chữa, bảo trì máy động lực, sản xuất các công cụ, thiết bị đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa nông nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác, tuyển chọn giống cây con thích nghi với điều kiện địa phương, có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế nhân rộng ra. Tăng cường quản lý chất lượng giống trước khi đưa vào sản xuất, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến, công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất trong bảo vệ, chăm sóc cây trồng - vật nuôi, sản xuất nông sản sạch, thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản theo công nghệ tiến bộ.

- Phát triển mô hình hỗ trợ về khoa học công nghệ của các cơ quan nghiên cứu trong và ngoài tỉnh thông qua các hợp đồng nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ.

- Nghiên cứu và xây dựng mô hình cụm, tuyến dân cư, làng sinh thái, mô hình đô thị, cụm kinh tế - xã hội theo hướng phát triển đô thị có cây xanh, giảm thiểu tối đa các tác nhân gây ô nhiễm. ứng

dụng các biện pháp tiến bộ trong chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, cải thiện cơ cấu bữa ăn, phòng chống suy dinh dưỡng, nhất là cho trẻ em.

- Thực hiện tin học hóa trong xử lý, lưu trữ, cung cấp thông tin, hỗ trợ hiệu quả trong công tác lãnh đạo, điều hành của hệ thống Đảng, quản lý của Nhà nước, quản lý doanh nghiệp, hoạt động đoàn thể.

- Tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng, hướng dẫn nhân dân cách thức xử lý đơn giản chất thải rắn và lỏng tại hộ gia đình. Xây dựng nếp sống văn minh, tạo thành phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường rộng khắp.

- Quan tâm xử lý rác tại các chợ, nhất là chợ nông thôn; từng bước di dời các hộ cất nhà trên sông lên bờ, loại bỏ nhà vệ sinh và chuồng gia súc trên sông, kênh rạch.

7- Y tế, văn hóa, thể dục, thể thao và xã hội:

- Nâng cao chất lượng thực hiện các chương trình y tế quốc gia, đẩy mạnh xã hội hóa chăm sóc sức khỏe nhân dân. Xây dựng mạng lưới y tế cơ sở gắn với chương trình phát triển nông thôn và đô thị hóa. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị; nâng cao năng lực đội ngũ phục vụ trong ngành y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và dự phòng. Tiếp tục thực hiện tiêm chủng mở rộng. Hạn chế tốc độ gia tăng HIV/AIDS. Tích cực phòng chống các bệnh không nhiễm trùng. Bảo đảm đạt kết quả các mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình đi đôi với chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em. Vận động toàn dân thực hiện tốt vệ sinh môi trường, vệ sinh thực phẩm, khống chế các dịch bệnh nguy hiểm.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" theo tinh thần Nghị quyết TW5 (khoá VIII); nâng cao chất lượng gia đình văn hóa, ấp-khu vực, xã-phường văn hóa, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Xây dựng và phát triển các mô hình đường phố xanh, sạch; ấp, khu vực văn hóa không còn tệ nạn xã hội; cơ quan, trường học, bệnh viện văn minh. Tăng cường giáo dục và phát huy truyền thống cách mạng của địa phương. Đầu tư xây dựng hoàn thành Trung tâm văn hóa thị xã, nhà truyền thống, Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy, căn cứ Thị ủy, Nhà trưng bày tội ác Mỹ -Ngụy và một số di tích, địa chỉ đỏ khác.

- Coi trọng xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, phát triển rộng rãi phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao hoạt động thể chất và tinh thần, đặc biệt chú trọng gây dựng và nâng chất phong trào ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang, cụm dân cư; câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh cho người cao tuổi.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo lồng ghép với các chương trình quốc gia khác trên từng địa bàn. Vận động, khuyến khích người giàu, người khá, người có tay nghề giúp đỡ người nghèo, người có khó khăn; tạo việc làm để người nghèo có điều kiện vươn lên; phát huy và nhân rộng mô hình hộ nghèo nỗ lực vượt khó vươn lên, mô hình giúp nhau giảm nghèo tại các cụm dân cư, ấp- khu vực, xã phường. Mở rộng hình thức tín dụng, hỗ trợ vốn phát triển kinh tế gia đình, đẩy mạnh khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, chuyển giao kỹ thuật để tăng năng lợi nhuận, tăng thu nhập cho các hộ nghèo.

- Tiếp tục thực hiện pháp lệnh ưu đãi người có công với nước, quan tâm phát triển quỹ đền ơn đáp nghĩa ở xã, phường. Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện giúp đỡ những người khó khăn, hoạn nạn, trẻ mồ côi, người tàn tật, người già không nơi nương tựa, nhất là những đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học. Vận động thành lập quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo. Tiếp tục vận động phong trào xây dựng nhà tình thương cho các hộ nghèo theo từng xã, phường.

- Quy hoạch xây dựng một số khu nhà ở cho người có thu nhập thấp. Tranh thủ với Ngân hàng phát triển nhà ĐBSCL cho vay xây dựng nhà ở kiên cố, bán kiên cố.

8- Định hướng phát triển đô thị

a) Khu vực nội thị:

- Mở rộng đô thị theo hướng dọc kênh Xà No và về cả 2 hướng Đông Bắc và Tây Nam. Đưa quốc lộ 61 ra khu vực vành đai, về hướng Đông Nam đi Rạch Giá.

- Tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp cơ sở từ 4 phường hiện tại lên 7 phường, 3 xã trên cơ sở chia tách từ xã Vị Tân, xã Hoả Tiến, xã Hỏa Lựu. Hình thành các khu chức năng như: khu hành chính trung tâm, khu thương nghiệp- dịch vụ, khu văn hóa, khu dân cư... từng bước sẽ quy hoạch chi tiết các tiểu khu chức năng đáp ứng yêu cầu phát triển chung.

b) Vùng ngoại thị:

- Khu công nghiệp tập trung được bố trí tại xã Hỏa Tiến, các kho tàng, bến bãi, cảng sẽ được đầu tư phục vụ cho hoạt động của khu công nghiệp tập trung.

- Trung tâm công nghiệp -TTCN được bố trí tại xã Hỏa Lựu

- Các cụm kinh tế - xã hội:

+ Cụm kinh tế - xã hội Hỏa Lựu (đô thị loại V) quy mô 25 ha, gắn kết với khu dân cư và khu tiểu thủ công nghiệp.

+ Xây dựng cụm kinh tế - xã hội Hỏa Tiến, qui mô 20 ha, dân số khoảng 5.000 người. Chức năng vừa phục vụ công nghiệp và dịch vụ.

+ Cụm kinh tế - xã hội Vị Tân quy mô 43 ha.

***III. Các giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện*:**

ủy ban nhân dân thị xã Vị Thanh có nhiệm vụ:

- Phối hợp các sở, ngành tỉnh liên quan nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo chương trình mục tiêu phù hợp với Quy hoạch này. Kết hợp hệ thống các biện pháp đồng bộ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của thị xã và sự hỗ trợ của các tổ chức trong nước và nước ngoài như huy động và thu hút vốn đầu tư, nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ...

- Nghiên cứu và kiến nghị với UBND tỉnh các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Thực hiện đổi mới tổ chức, quản lý và cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi khuyến khích đầu tư.

- Đầu tư tập trung để nhanh chóng mang lại hiệu quả thiết thực, ưu tiên xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tạo động lực cho một số ngành chủ lực mà thị xã có thế mạnh.

- Lập các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, các dự án cụ thể, sắp xếp thứ tự ưu tiên, hợp lý tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững.

Điều 2.

- ủy ban nhân dân thị xã Vị Thanh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch này.

- Các Sở, Ban, ngành tỉnh có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ địa phương trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã với quy hoạch phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật-xã hội, phù hợp với quy hoạch lãnh thổ, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Trong quá trình thực hiện, hàng năm, 5 năm, Chủ tịch UBND thị xã Vị Thanh có trách nhiệm tổng kết báo cáo UBND tỉnh những vấn đề chưa

hợp lý, những vấn đề mới phát sinh cũng như những trường hợp không còn phù hợp và đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và của tỉnh.

- Công bố rộng rãi, nội dung, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội để các ngành, địa phương và nhân dân thị xã Vị Thanh biết và thực hiện.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND thị xã Vị Thanh có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. UBND tỉnh cần Thơ

chủ tịch
Nguyễn Phong Quang